

Số: 114/TB-THHTĐ

Hồng Thái Đông, ngày 30 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

Công khai Quyết định Giao dự toán mua sách thư viện năm học 2024-2025 tại Trường Tiểu học Hồng Thái Đông năm 2024

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/06/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1186/QĐ-PGD ngày 20/12/2024 của Phòng GD&ĐT thành phố Đông Triều về việc Giao dự toán mua sách thư viện năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-THHTĐ ngày 30/12/2024 của Trường Tiểu học Hồng Thái Đông về việc ban hành công bố công khai Quyết định Giao dự toán mua sách thư viện năm học 2024-2025 tại Trường Tiểu học Hồng Thái Đông;

Trường Tiểu học Hồng Thái Đông thông báo công khai Quyết định Giao dự toán mua sách thư viện năm học 2024-2025 tại Trường Tiểu học Hồng Thái Đông cụ thể như sau:

- Thời gian công khai: 30 ngày (Từ ngày 30/12/2024 đến ngày 30/01/2025)
- Địa điểm công khai: Bảng thông báo của nhà trường.

Trên đây là thông báo công khai quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2024 của Trường Tiểu học Hồng Thái Đông.

Nơi nhận:
- CBGV-NV;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Dương Thị Thúy Hằng

Số: 1186/QĐ-PGD&ĐT

Đông Triều, ngày 26 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục
(nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2024**

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÔNG TRIỀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 Thông tư ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục Mầm non và phổ thông;

Căn cứ các Quyết định của UBND thị xã Đông Triều (nay là UBND thành phố Đông Triều): số 3833/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024; số 482/QĐ-UBND ngày 26/3/2024 về một số cơ chế và biện pháp điều hành ngân sách nhà nước năm 2024; số 1130/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 về sửa đổi, bổ sung cơ chế và biện pháp điều hành ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3346/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Đông Triều về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 của UBND thị xã Đông Triều (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Đông Triều) về việc phê duyệt cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của UBND thị xã Đông Triều (nay là UBND thành phố Đông Triều) về việc phê duyệt điều chỉnh và phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục (nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3364/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND thành phố Đông Triều về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán chi sự nghiệp giáo dục (nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3818/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND thành phố Đông Triều về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục (nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2024;

Căn cứ Công văn số 361/TCKH ngày 26/12/2024 của Phòng Tài chính – Kế hoạch về việc thẩm định dự toán chi sự nghiệp giáo dục (nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2024;
Xét đề nghị của bộ phận Kế toán phòng Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục (nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc thực hiện mua bổ sung sách thư viện, số tiền: **1.502.540.000 đồng**. (Một tỷ, năm trăm linh hai triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết cụ thể có phụ biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Hiệu trưởng các trường chịu trách nhiệm tính chính xác về hồ sơ, đối tượng, trình tự thủ tục để thực hiện chi trả theo đúng quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Chịu trách nhiệm toàn diện về các chi phí liên quan; quản lý và sử dụng nguồn vốn kinh phí được cấp theo đúng chế độ chính sách, thanh quyết toán đúng quy định pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo tiết kiệm, không trục lợi chính sách, không gây lãng phí, thất thoát, sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước được phân bổ.

- Hiệu trưởng các trường MN, THCS, TH&THCS trên địa bàn thành phố tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (t/h);
- Phòng TC-KH, KBNN (P/h);
- Lưu VT, KT PGD.



Phạm Thị Thanh Tâm



DỰ TOÁN CHI MUA BỔ SUNG SÁCH THƯ VIỆN NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số 1186/PGD&ĐT ngày 26/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đồng Triêu)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Tổng chi hoạt động thường xuyên năm 2024 được giao	3% tổng kinh phí chi thường xuyên của đơn vị	Số tiền được phê duyệt	Ghi chú
A	B	I	2	3	4
	Tổng cộng	61.322.950.200	1.839.688.506	1.502.540.400	
I	Khối Mầm non	20.058.601.200	601.758.036	456.764.400	
1	MN Hoa Mai	806.000.000	24.180.000	22.864.000	
2	MN Đức Chính	637.110.000	19.113.300	18.991.000	
3	MN Hưng Đạo	697.292.000	20.918.760	17.033.000	
4	MN Xuân Sơn	642.115.000	19.263.450	19.264.000	
7	MN Hoa Lan	1.299.267.000	38.978.010	38.970.000	
8	MN Hoa Phượng	1.107.000.000	33.210.000	30.863.000	
9	MN Sơn Ca	763.655.000	22.909.650	15.015.000	
10	MN Hồng Phong	596.781.000	17.903.430	17.903.400	
11	MN Yên Thọ	828.611.000	24.858.330	19.058.000	
12	MN Hoàng Quế	873.641.000	26.209.230	15.500.000	
13	MN Trảng An	672.565.000	20.176.950	16.012.000	
14	MN Bình Dương	1.317.600.000	39.528.000	23.880.000	
15	MN Nguyễn Huệ	857.475.000	25.724.250	18.645.000	
16	MN Thủy An	806.000.000	24.180.000	19.505.000	
17	MN An Sinh A	808.088.000	24.242.640	12.120.000	
18	MN An Sinh B	713.449.000	21.403.470	14.268.000	
19	MN Việt Dân	687.480.000	20.624.400	13.765.000	
20	MN Tân Việt	651.000.000	19.530.000	13.020.000	
21	MN Bình Minh	927.000.000	27.810.000	23.175.000	
22	MN Hòa Mĩ	648.090.000	19.442.700	11.857.000	
23	MN Hoa Anh Đào	733.283.000	21.998.490	9.080.000	
24	MN Trảng Lương	731.716.000	21.951.480	14.634.000	
25	MN Yên Đức	633.180.000	18.995.400	12.034.000	
26	MN Hồng Thái Tây	796.400.000	23.892.000	19.863.000	
27	MN Hồng Thái Đông	823.803.200	24.714.096	19.445.000	
II	Khối Tiểu học	25.534.850.000	766.045.500	592.073.000	
1	TH Kim Đồng	1.195.860.000	35.875.800	35.875.000	
2	TH Đức Chính	721.080.000	21.632.400	21.632.000	
3	TH Hưng Đạo	1.187.460.000	35.623.800	35.600.000	
4	TH Xuân Sơn	883.260.000	26.497.800	22.081.000	
5	TH Kim Sơn	1.048.040.000	31.441.200	20.960.000	
6	TH Quyết Thắng	1.161.000.000	34.830.000	34.830.000	
7	TH Vĩnh Khê	1.800.000.000	56.700.000	21.685.000	

TT	Nội dung	Tổng chi hoạt động thường xuyên năm 2024 được giao	3% tổng kinh phí chi thường xuyên của đơn vị	Số tiền được phê duyệt	Ghi chú
8	TH Mạo Khê A	756.000.000	22.680.000	22.680.000	
9	TH Mạo Khê B	1.299.267.000	38.978.010	12.990.000	
10	TH Nguyễn Văn Cừ	746.600.000	22.398.000	12.300.000	
11	TH Trảng An	903.343.000	27.100.290	27.100.000	
12	TH Lê Hồng Phong	924.480.000	27.734.400	23.129.000	
13	TH Yên Thọ	1.020.640.000	30.619.200	30.000.000	
14	TH Hoàng Quế	1.230.320.000	36.909.600	36.909.000	
15	TH Bình Dương	1.419.480.000	42.584.400	20.000.000	
16	TH Nguyễn Huệ	864.900.000	25.947.000	25.947.000	
17	TH Thủy An	983.520.000	29.505.600	24.705.000	
18	TH An Sinh	1.283.400.000	38.502.000	19.250.000	
19	TH Bình Khê	1.769.520.000	53.085.600	35.390.000	
20	TH Yên Đức	1.009.080.000	30.272.400	15.200.000	
21	TH Hồng Thái Tây	1.168.580.000	35.057.400	30.000.000	
22	TH Hồng Thái Đông	1.542.020.000	46.260.600	48.000.000	
23	TH Trảng Lương	527.000.000	15.810.000	15.810.000	
III	Khối THCS	15.729.499.000	471.884.970	453.703.000	
1	THCS Nguyễn Du	711.644.000	21.349.320	21.349.000	
2	THCS Đức Chính	497.435.000	14.923.050	14.923.000	
3	THCS Hưng Đạo	893.506.000	26.805.180	26.805.000	
4	THCS Xuân Sơn	786.760.000	23.602.800	23.600.000	
5	THCS Kim Sơn	1.058.000.000	31.740.000	31.740.000	
6	THCS Mạo Khê I	1.081.030.000	32.430.900	35.576.000	
7	THCS Mạo Khê II	1.971.000.000	59.130.000	59.130.000	
8	THCS Nguyễn Đức Cảnh	1.242.000.000	37.260.000	37.256.000	
9	THCS Lê Hồng Phong	492.035.000	14.761.050	14.761.000	
10	THCS Yên Thọ	855.771.000	25.673.130	25.673.000	
11	THCS Hoàng Quế	918.000.000	27.540.000	27.540.000	
12	THCS Trảng An	570.080.000	17.102.400	17.102.000	
14	THCS Nguyễn Huệ	652.122.000	19.563.660	16.300.000	
17	THCS Bình Khê	1.047.648.000	31.429.440	31.429.000	
18	THCS Yên Đức	682.000.000	20.460.000	20.460.000	
19	THCS Hồng Thái Tây	793.352.000	23.800.560	15.867.000	
20	THCS Hồng Thái Đông	1.012.116.000	30.363.480	20.242.000	
25	THCS Trảng Lương	465.000.000	13.950.000	13.950.000	